

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: **1152**/TTCP-C.IV

Hà Nội, ngày **15** tháng 7 năm 2020

V/v báo cáo công tác PCTN phục vụ
Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XIV

Kính gửi:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2025/VPCP-NC ngày 17/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc đề nghị của Ủy ban Tư pháp; để giúp Chính phủ chuẩn bị báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2020, Thanh tra Chính phủ trân trọng đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo công tác PCTN trong thời kỳ từ ngày 01/8/2019 đến ngày 31/7/2020 (có Đề cương báo cáo công tác PCTN kèm theo).

Thời hạn, hình thức gửi báo cáo: chậm nhất là ngày 10/8/2020, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo về Thanh tra Chính phủ, đồng thời bản file mềm gửi qua hộp thư điện tử cucchongthamnhung@thanhtra.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận: *(Handwritten signature)*

- Như trên;
- Tổng TTCP (để b/c);
- Thanh tra Bộ, Ngành, địa phương;
- Trung tâm Thông tin (Công TTĐT);
- Lưu: VT, C.IV (05 bản).

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



(Handwritten signature)
Trần Ngọc Liêm



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020

(Kèm theo Văn bản số: *MS/TTCP-C.IV* ngày *15/7/2020* của Thanh tra Chính phủ)

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương

a) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng;

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và đưa ra danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

d) Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách).

e) Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch;

b) Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích;

c) Kết quả ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ;

d) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử;

đ) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác;

e) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt;

g) Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập;

h) Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương;

b) Kết quả công tác thanh tra và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; số đơn vị được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trách nhiệm;

- Tổng số cuộc kết thúc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trực tiếp tại đơn vị; đã ban hành kết luận.

- Số đơn vị có vi phạm/số đơn vị được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán;

- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán;

- Về xử lý vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm toán;

- Kiến nghị: kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, xử lý khác (nếu có); kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan quản lý nhà nước;

- Kết quả thực hiện các kiến nghị.

c) Kết quả giải quyết phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết phản ánh, tố cáo, báo cáo hành vi tham nhũng;

d) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương;

đ) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác.

4. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng

a) Nội dung trách nhiệm của người đứng đầu;

b) Việc áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác;

c) Xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng.

5. Phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công

dân, Ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

b) Những kết quả, đóng góp của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, Ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng;

6. Phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước (gồm: công ty đại chúng, tổ chức tín dụng và tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện).

a) Việc xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng.

b) Việc áp dụng pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước:

- Kết quả xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ;
- Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch;
- Kiểm soát xung đột lợi ích;
- Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu.

c) Xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

7. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

a) Việc thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

b) Các hoạt động hợp tác quốc tế khác về phòng, chống tham nhũng (nếu có).

8. Xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Xử lý người có hành vi tham nhũng và xử lý tài sản tham nhũng:

- Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính với tổ chức, cá nhân có vi phạm;
- Kết quả xử lý trách nhiệm người đứng đầu để xảy ra tham nhũng;
- Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng;
- Số lượng tiền, tài sản tham nhũng được kiến nghị thu hồi.
- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi và kết quả thu hồi;
- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính;
- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp.

b) Xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

9. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN

a) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

b) Kết quả thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong chiến lược quốc gia về PCTN và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương và nguyên nhân.

b) So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*).

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng.

III. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

1. Đánh giá về công tác phòng, chống tham nhũng

Nêu những định hướng, mục tiêu cơ bản, những giải pháp, nhiệm vụ cụ thể trong công tác phòng, chống tham nhũng sẽ được tập trung thực hiện trong kỳ báo cáo tiếp theo nhằm đạt được mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng đã đề ra, cụ thể như sau:

a) Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương.

b) So sánh hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước.

c) Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác phòng, chống tham nhũng;

d) Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống tham nhũng.

- Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế tại bộ, ngành, địa phương trong công tác phòng, chống tham nhũng;

- Phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan của những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

2. Phương hướng, giải pháp, kiến nghị về công tác PCTN

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập);

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng (nếu có vướng mắc);

- Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, khắc phục những khó khăn, vướng mắc;

- Các nội dung cụ thể khác cần kiến nghị, đề xuất./.

Ghi chú: Kèm theo Đề cương này là 03 Phụ lục:

- Phụ lục 01: Kết quả về công tác PCTN năm 2020;

- Phụ lục 02: Thống kê các văn bản còn sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng;

- Phụ lục 03: Danh sách các vụ tham nhũng được phát hiện trong kỳ.

PHỤ LỤC 01
KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2020

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch</i>		
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
8	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	

10	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	
11	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ	
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý kỷ luật	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	
15	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
16	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
21	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	
22	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	CQ, TC, ĐV	

23	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	
24	Số người tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác	Người	
25	Số người đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích	Người	
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>		
26	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	
27	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>		
28	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
29	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
30	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
31	Số lượng thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	
32	Số lượng thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	
33	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng	Triệu đồng	

34	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán	%	
	<i>Phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước</i>		
35	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý	CQ, TC, ĐV	
36	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	
37	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước vi phạm việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV	
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	<i>Qua việc công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	
40	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Vụ	
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức đơn vị	Người	
42	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng	Vụ	
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động chống tham nhũng	Người	
	<i>Qua hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm toán</i>		
44	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề	Vụ	

	ng nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử		
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	
46	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Vụ	
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Người	
	<i>Qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		
48	Số đơn, phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo có hành vi tham nhũng	Đơn, phản ánh	
49	Số báo cáo và xử lý báo cáo có hành vi tham nhũng	Báo cáo	
50	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	Đơn, phản ánh, báo cáo	
51	Số đơn tố cáo, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn, phản ánh, báo cáo	
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
54	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
55	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	<i>Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		

56	Số người được bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
57	Số người được khen thưởng người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	
58	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	
59	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó:	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		
	+ Tặng Giấy khen		
	XỬ LÝ THAM NHŨNG		
60	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra (trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
61	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
62	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
63	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	

64	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
65	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		
66	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
67	Đất đai	m ²	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		
68	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính	Triệu đồng	
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp	Triệu đồng	
69	Đất đai	m ²	
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính	m ²	
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp	m ²	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
70	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
71	Đất đai	m ²	

...,ngày tháng năm 2020
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 02

THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỒ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHŨNG

STT	Tên nội dung văn bản đã ban hành	Số văn bản, ngày, tháng, năm, cấp ban hành ban hành	Nội dung sơ hồ, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục		
				Đã xong	Đang thực hiện hoặc kiến nghị thực hiện	Chưa thực hiện
1						
2						
...						

PHỤ LỤC SỐ 03

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc
1				
2				
...				